

TUẦN 22

I. TRẮC NGHIỆM

Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1. Trong phép chia có số bị chia là 10. Số thương là 5. Vậy số chia là:

A. 7

B. 5

C. 2

Câu 2. Đồng hồ chỉ mấy giờ?



A. 3 giờ 30 phút

B. 6 giờ 3 phút

C. 14 giờ 30 phút

Câu 3. Trong phép chia $20 : \square = 4$. Số cần điền vào ô trống là:

A. 2

B. 3

C. 5

Câu 4. 45 học sinh xếp thành 5 hàng. Hỏi mỗi hàng có bao nhiêu học sinh?

A. 3 học sinh

B. 5 học sinh

C. 9 học sinh

Câu 5. Số chân của một đàn gà là 18. Hỏi có bao nhiêu con gà?

A. 7 con

B. 9 con

C. 8 con



Câu 6. Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống:

☐

1 giờ + 30 phút = 90 phút

☐

1 ngày = 12 giờ

II. TỰ LUẬN

Bài 1. Tính nhẩm

$10 : 2 = \dots$

$20 : 5 = \dots$

$12 : 2 = \dots$

$15 : 5 = \dots$

$18 : 2 = \dots$

$20 : 2 = \dots$

$18 : 2 = \dots$

$30 : 5 = \dots$

$35 : 5 = \dots$

Bài 2. Số?

$6 : \square = 3$	$\square : 5 = 8$	$12 : 2 = \square$
$\square : 5 = 4$	$2 \times \square = 14$	$5 \times \square = 20$
$30 : \square = 6$	$5 \times \square = 45$	$\square : 2 = 10$

Bài 3. Tìm nhà cho chim bồ câu.



Bài 4. Mẹ Mai mua 12 chiếc tất cho cả nhà. Hỏi mẹ mua bao nhiêu đôi tất?

Tóm tắt

Mua: chiếc tất

1 đôi:chiếc tất

Có:đôi tất?

Bài giải

.....

.....

Bài 5. Một tuần, mẹ làm việc ở cơ quan 5 ngày và bằng 40 giờ. Biết mỗi ngày mẹ làm việc số giờ như nhau. Hỏi mỗi ngày mẹ làm việc ở cơ quan mấy giờ?

Bài giải

.....

.....

Bài 6. Có 35 học sinh xếp thành hàng, mỗi hàng có 5 học sinh. Hỏi có bao nhiêu hàng?

Bài giải

.....

.....

Bài 7. (Mở rộng) Viết phép chia có thương bằng số chia và tổng của số chia và thương bằng số bị chia.

.....